

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện và cơ chế, chính sách của tỉnh, của trung ương năm 2019; Nhu cầu kinh phí năm 2020**

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN NĂM 2019; NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2020**

Thực hiện Nghị quyết: số 14/2016/NQ-HĐND ngày 17/10/2016 của HĐND huyện về việc thực hiện một số cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giai đoạn 2017 - 2021, số 03/NQ-HĐND ngày 28/8/2018 của HĐND huyện về việc hỗ trợ các trường học của huyện sau sáp nhập giai đoạn 2018 - 2020, số 52/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện; UBND huyện đã có: Quyết định: số 11968/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 về việc ban hành một số cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giai đoạn 2017 - 2021, số 5444/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện như sau:

*Tổng số kinh phí ước thực hiện một số cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2019 là 32.054 triệu đồng; tổng nhu cầu kinh phí dự kiến hỗ trợ năm 2020 của huyện là 38.580 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo), cụ thể như sau:*

#### **1. Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn**

##### **1.1. Năm 2019**

Thực hiện Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 của UBND huyện, trong năm 2019 các xã, thị trấn đã triển khai vận động toàn dân tham gia làm đường GTNT, hệ thống đường GTNT trên địa bàn huyện từng bước được hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành "Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường GTNT phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, giai đoạn 2010 - 2020"; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; từng bước hoàn thiện tiêu chí về giao thông trong xây dựng NTM.

Kết quả, năm 2019, toàn huyện làm mới được 30,2 km và nâng cấp cải tạo được 10 km đường giao thông nông thôn (trong đó: đường liên thôn 18,8 km, đường nội thôn 21,4 km), nâng tổng số đường giao thông nông thôn được cứng hóa lên 1.188,5 km, đạt 95,9%, tăng 0,1% so với chỉ kế hoạch giao.

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp huyện: 1.017 triệu đồng.

### **1.2. Năm 2020**

Năm 2020, toàn huyện phấn đấu làm được 20 km đường giao thông nông thôn. Nhu cầu kinh phí dự kiến hỗ trợ: 1.100 triệu đồng.

## **2. Kinh phí bảo trì đường bộ đường huyện, đường xã**

### **2.1. Năm 2019**

Năm 2019, huyện không bố trí ngân sách cho việc bảo trì đường huyện, đường xã.

### **2.2. Năm 2020**

Thực hiện Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án bảo trì đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020: Năm 2020 huyện bố trí kinh phí cho việc bảo trì là 1.000 triệu đồng.

## **3. Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới**

### **3.1. Năm 2019**

Tổng số kinh phí ước thực hiện cơ chế hỗ trợ của huyện về lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng NTM năm 2019 là 28.517 triệu đồng, gồm:

3.1.1. Hỗ trợ theo Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND huyện về việc ban hành cơ chế khuyến khích hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giai đoạn 2017 - 2021, với tổng số kinh phí ước thực hiện năm 2019 là 5.535,1 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ cơ giới hóa: Tiếp tục khuyến khích được người dân đầu tư cơ giới hóa, đến hết năm 2019, toàn huyện có 31 cơ sở mạ khay và 73 máy cấy, diện tích lúa cấy máy đáp ứng được khoảng 1.500 ha/vụ, góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lĩnh vực khác. Kết quả, đã hỗ trợ được 535,2 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ máy cấy: 385,2 triệu đồng/12 máy, hỗ trợ cơ sở sản xuất mạ khay: 150 triệu đồng/03 cơ sở.

- Hỗ trợ kinh phí chỉ đạo chuyển đổi đất lúa, tích tụ tập trung ruộng đất: Cơ chế hỗ trợ tiếp tục khuyến khích được người dân chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; năm 2019 chuyển đổi được 394,6 ha, nâng tổng số diện tích chuyển đổi toàn huyện giai đoạn 2016 - 2019 lên 1.662,4 ha, góp phần làm tăng giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác và nuôi trồng thủy sản năm 2019 lên 110 triệu đồng. Kết quả, năm 2019 đã hỗ trợ cho 03 xã (Thọ Ngọc, Hợp Lý, Tiến Nông): 85 triệu đồng/84,4 ha.

- Hỗ trợ chăn nuôi nông hộ: Hỗ trợ công tiêm phòng cho các xã, thị trấn tiếp tục phát huy có hiệu quả, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn huyện (trừ bệnh Dịch tả lợn Châu Phi). Hỗ trợ cho hộ gia đình sử dụng tinh chất lượng cao 3B phối cho Bò nền đủ tiêu chuẩn tiếp tục khuyến khích được người chăn nuôi áp dụng, năm 2019 có thêm 1.650 con Bê ra đời, nâng tổng số bê ra đời theo cơ chế hỗ trợ từ năm 2017 - 2019 lên 3.640 con và mang lại hiệu quả cao, rút ngắn thời gian nuôi theo mẹ, giá bán tăng từ 1,5 - 2 lần Bê thường. Kết quả, năm 2019 số kinh phí hỗ trợ là 915,5 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ công tiêm phòng gia súc, gia cầm: 338

triệu đồng, hỗ trợ cho hộ gia đình sử dụng tinh chất lượng cao BBB phối cho bò nền đủ tiêu chuẩn: 577,5 triệu đồng/1.650 con Bê.

- Thương cho 04 xã (Dân Lực, Dân Quyền, Thọ Cường, Khuyến Nông) đạt chuẩn NTM: 4.000 triệu đồng.

3.1.2. Hỗ trợ theo Quyết định số 7219/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của UBND huyện về việc ban hành cơ chế hỗ trợ sản xuất vụ đông 2019 - 2020: Cơ chế đã tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích được người dân tích cực đầu tư sản xuất vụ đông, khả năng toàn huyện sẽ hoàn thành kế hoạch 2.800 ha, tiếp tục khẳng định là vụ sản xuất chính trong năm mang lại hiệu quả, tăng thêm giá trị trên một ha canh tác trong năm. Tổng số tiền hỗ trợ: 1.420 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ mua giống ngô: 585 triệu đồng/900 ha.

- Hỗ trợ mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung cho hộ gia đình, cá nhân: 315 triệu đồng/105 ha.

- Hỗ trợ các xã có diện tích giao trồng cây ngô theo chỉ tiêu huyện đã giao từ 40 ha trở lên, hoàn thành từ 100% trở lên: 180 triệu đồng/6 xã.

- Hỗ trợ các xã có diện tích gieo trồng cây ngô theo chỉ tiêu huyện đã giao từ 30 đến dưới 40 ha, hoàn thành từ 100% trở lên: 60 triệu đồng/3 xã.

- Hỗ trợ các xã có diện tích gieo trồng ngô theo chỉ tiêu huyện giao dưới 30 ha, hoàn thành từ 100% trở lên: 80 triệu đồng/8 xã.

- Hỗ trợ hạt giống rau sản xuất vụ đông 2019 - 2020 là 200 triệu đồng.

3.1.3. Theo Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung cơ chế hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM năm 2019 và 2020 trên địa bàn huyện: Cơ chế đặc thù đã khuyến khích được các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí, sớm về đích NTM theo kế hoạch (đã có xã Thọ Cường đạt chuẩn NTM, 2 xã dự kiến đạt chuẩn cuối năm 2019 và 9 xã đạt chuẩn năm 2020). Tổng số tiền ước thực hiện 11.680 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ xây dựng công trình: 11.280 triệu đồng/12 xã (20% tổng số tiền hỗ trợ). Số kinh phí này, hiện tại UBND huyện đang cho các xã ứng tiền để GPMB, đến cuối năm 2019, UBND huyện sẽ cho các xã giải ngân số tiền trên theo đúng kế hoạch đầu tư công và dự toán huyện giao năm 2019.

- Thương 02 xã đạt chuẩn NTM (An Nông, Nông Trường): 400 triệu đồng.

3.1.4. Hỗ trợ công tác phòng, chống Bệnh dịch tả lợn Châu Phi:

Đã hỗ trợ kinh phí cho các xã, thị trấn ứng phó kịp thời, hiệu quả với dịch bệnh lớn trên địa bàn, góp phần từng bước khống chế dịch bệnh và giảm bớt thiệt hại cho bà con nhân dân; đến nay số lợn bị mắc bệnh phải tiêu hủy giảm đáng kể so với thời điểm phát dịch.

Tổng số kinh phí hỗ trợ là 5.081 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí tập huấn và in tờ rơi 31,54 triệu đồng, hỗ trợ công tác chỉ đạo 460 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch cho các xã 3.040 triệu đồng;

- Mua hóa chất 1.300,8 triệu đồng/9.640 lít;

- Mua quần áo bảo hộ lao động 230,7 triệu đồng/2.520 bộ;

- Mua bình động cơ phun hóa chất 17,5 triệu đồng/5 bình.

### **3.2. Năm 2020**

Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện cơ chế hỗ trợ của huyện về lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng NTM: 33.500 triệu đồng, gồm:

- Cơ giới hóa: 600 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ mua 10 máy cày, với số tiền 350 triệu đồng và hỗ trợ 05 cơ sở mạ khay, với số tiền 250 triệu đồng).

- Chuyển đổi đất lúa, tích tụ tập trung ruộng đất: 500 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ kinh phí chỉ đạo cho các xã, thị trấn: 200 ha, số tiền: 400 triệu đồng và hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân tích tụ tập trung ruộng đất để sản xuất: 20 ha, với số tiền: 100 triệu đồng.

- Chăn nuôi nông hộ: 900 triệu đồng, trong đó: hỗ trợ công tiêm phòng gia súc, gia cầm: 340 triệu đồng và hỗ trợ cho hộ gia đình sử dụng tinh chất lượng cao BBB phối cho bò nền đủ tiêu chuẩn: 560 triệu đồng/1.600 con bê.

- Thương cho các xã đạt chuẩn NTM: 1.800 triệu đồng/9 xã.

- Hỗ trợ các xã xây dựng các công trình: 28.200 triệu đồng

- Hỗ trợ sản xuất vụ đông 2020 - 2021: 1.500 triệu đồng.

## **4. Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia**

### **4.1. Năm 2019**

Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia đã góp phần không nhỏ trong việc đầu tư trang thiết bị trong các nhà trường, đặc biệt là trang thiết bị các phòng học bộ môn Vật lí - Công nghệ, Hóa học - Sinh học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy lý thuyết gắn liền với thực tế, thực nghiệm. Cùng với sự đầu tư cơ sở vật chất của các địa phương, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia của huyện đã giúp cho nhiều nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020 - 2021, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường, hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

- Năm 2019, tổng số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia là 13 trường (gồm có 8 trường được công nhận mới và 5 trường được công nhận lại), nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 83 trường, đạt tỷ lệ 76,9% (tăng 5,7% so với năm 2018), trong đó:

+ Số trường được công nhận mới: 9 trường (Mầm non: Dân Lý, Hợp Thành, Thọ Dân, Xuân Thịnh; THCS: Thọ Cường, Thọ Tiến, Minh Châu, Nông Trường).

+ Số trường được công nhận lại: 5 trường (Tiểu học: Đồng Tiến, Thọ Cường, Dân Lực, Minh Sơn; THCS Dân Quyền).

- Tổng kinh phí đã hỗ trợ công nhận lại trường chuẩn quốc gia năm 2019 là 1.300 triệu đồng (3 trường THCS: 600 triệu đồng; 3 trường mầm non: 450 triệu đồng; 4 trường TH và 01 trường THCS được công nhận lại: 250 triệu đồng).

Riêng kinh phí hỗ trợ xây trường chuẩn quốc gia năm 2019 đã được bố trí trong danh mục hỗ trợ xây dựng các công trình NTM theo Quyết định 5444/QĐ-

- Đến hết năm 2020, toàn huyện phấn đấu có thêm 5 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tỉ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia lên 81,5% (vượt kế hoạch so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020).

- Nhu cầu kinh phí hỗ trợ công nhận lại trường chuẩn quốc gia là 450 triệu đồng (6 trường tiểu học và 3 trường THCS công nhận lại là: 450 triệu đồng). Riêng kinh phí hỗ trợ xây trường chuẩn quốc gia năm 2020 đã được tính trong danh mục hỗ trợ xây dựng các công trình NTM theo Quyết định 5444/QĐ-UBND nêu trên.

## **5. Cơ chế khen thưởng cho giáo viên và học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia**

### **5.1. Năm 2019**

Cơ chế khen thưởng của huyện cho giáo viên và học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia là sự ghi nhận, biểu dương những nỗ lực cố gắng của tất cả các nhà trường, đặc biệt là các em học sinh, các thầy giáo, cô giáo trong nhiều năm học qua.

Kết quả mà các em học sinh và các thầy giáo, cô giáo đạt được trong năm học 2018 - 2019 là hình thức biểu hiện rõ nhất của sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, tiếp tục tạo niềm tin cho ngành giáo dục của huyện phát triển cả về chất lượng mũi nhọn và chất lượng đại trà. Đồng thời, việc tổ chức chương trình gặp mặt, biểu dương học sinh giỏi, giáo viên có học sinh giỏi nhân dịp sinh nhật Bác hàng năm, là một hoạt động rất có ý nghĩa, qua đó đã động viên, khích lệ kịp thời phong trào thi đua học tập, giảng dạy của các thầy giáo, cô giáo và học sinh trong toàn huyện. Cụ thể:

- Năm học 2018 - 2019, đã khen thưởng cho 178 học sinh và 112 giáo viên có học sinh đạt giải cấp quốc gia và cấp tỉnh (xếp hạng toàn đoàn: cấp THCS đứng thứ 6 toàn tỉnh; cấp THPT có 5 trường nằm trong top 20 của tỉnh, trong đó trường THPT Triệu Sơn 1, THPT Triệu Sơn 2 và THPT Triệu Sơn 3 nằm trong top 10 toàn tỉnh, trong đó:

+ Thường cho học sinh đạt giải các môn văn hóa cấp tỉnh: 162 học sinh (12 giải nhất, 67 giải nhì, 83 giải ba); đạt giải các môn khác: 16 học sinh (cấp quốc gia: 2 huy chương đồng; cấp tỉnh: 2 giải nhất, 12 giải nhì);

+ Thường cho 110 giáo viên có học sinh đạt giải cấp tỉnh và 2 giáo viên có học sinh đạt giải cấp quốc gia;

+ Thường cho 9 học sinh thi đại học đạt từ 27 điểm trở lên.

- Tổng kinh phí đã khen thưởng năm 2019 cho học sinh và giáo viên là : 170 triệu đồng.

### **5.2. Năm 2020**

- Năm học 2019 - 2020, toàn ngành phấn đấu thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch tinh giao về chất lượng giáo dục, cụ thể: Giáo dục đại trà đạt trên 95% (tinh giao trên 92,5%); giáo dục mũi nhọn được củng cố vững chắc, thi học sinh giỏi văn hóa lớp 9 cấp tỉnh có từ 2 giải nhất và đạt nhiều giải chính thức, tỉ lệ đạt giải từ 70% trở lên; duy trì vị trí top 7 toàn tỉnh.

- Nhu cầu kinh phí khen thưởng năm 2020 là: 230 triệu đồng.

## **6. Cơ chế hỗ trợ các trường sau sáp nhập**

### **6.1. Năm 2019**

Cơ chế hỗ trợ này, tuy hỗ trợ không nhiều tiền, nhưng cũng đã thể hiện sự quan tâm của huyện trong việc tạo điều kiện cho các địa phương và nhà trường có một phần kinh phí hỗ trợ để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; chỉnh trang lại khuôn viên, bổ sung một số hạng mục, đảm bảo đủ cơ sở để được công nhận lại. Cụ thể:

- Năm học 2018 - 2019, đã sáp nhập trường TH Bình Sơn với trường THCS Bình Sơn thành trường TH và THCS Bình Sơn, sáp nhập trường TH Hợp Tiến với trường THCS Hợp Tiến thành trường TH và THCS Hợp Tiến, sáp nhập trường TH Xuân Thịnh với trường THCS Xuân Thịnh thành trường TH và THCS Xuân Thịnh.

- Tổng kinh phí đã hỗ trợ năm 2019 là 450 triệu đồng (trường TH và THCS Bình Sơn, trường TH và THCS Hợp Tiến, trường TH và THCS Xuân Thịnh mỗi đơn vị được nhận 150 triệu đồng).

### **6.2. Năm 2020**

- Trong năm 2020, sáp nhập trường TH Minh Sơn với trường THCS Minh Sơn thành trường TH và THCS Minh Sơn; rà soát, sắp xếp, quy hoạch hợp lý các trường thuộc thị trấn Triệu Sơn sau mở rộng.

- Nhu cầu hỗ trợ kinh phí sau sáp nhập trường học năm 2020: 150 triệu đồng.

## **7. Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế**

### **7.1. Năm 2019**

- Việc hỗ trợ theo cơ chế này đã giúp các xã có thêm một phần kinh phí để hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, khuôn viên và mua sắm một số trang thiết bị y tế, phục vụ việc khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân; đồng thời giúp các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, hoàn thành tiêu chí xây dựng NTM. Kết quả, năm 2019, trên địa bàn đã xây dựng được 04 xã (Thọ Cường, Thọ Tiến, Xuân Thịnh, Xuân Lộc) đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tổng số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế lên 32 xã/34 xã, đạt 94,1 %, vượt kế hoạch.

- Tổng số kinh phí ước thực hiện hỗ trợ là 600 triệu đồng (gồm các xã: Thọ Cường, Thọ Tiến, Xuân Thịnh, Xuân Lộc).

### **7.2. Năm 2020**

Năm 2020, toàn huyện phấn đấu xây dựng được 02 xã (Tiến Nông và Thọ Dân) đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt 100%. Nhu cầu kinh phí năm 2020: 150 triệu đồng (Trạm y tế xã Thọ Dân); riêng Trạm Y tế xã Tiến Nông đã được bố trí trong danh mục hỗ trợ xây dựng các công trình NTM theo Quyết định 5444/QĐ-UBND nêu trên.

## **8. Cơ chế khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, giai đoạn 2018 - 2021**

### **8.1. Năm 2019**

Thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/12/2017 của HĐND huyện về việc khuyến khích hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, giai đoạn 2018 - 2021. Tuy nhiên, đến nay chưa có xã, thị trấn nào thực hiện.

Trong 02 năm vừa qua, việc thực hiện cơ chế này gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, vì những lý do sau đây: Do huyện Triệu Sơn được tỉnh quy hoạch 02 vị trí tập trung xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn và xã Xuân Phú,

huyện Thọ Xuân, cho nên việc xin chủ trương chấp thuận vị trí quy hoạch xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại các xã trong huyện là vô cùng khó khăn. Bên cạnh đó vị trí được tỉnh chấp thuận tại xã Hợp Thắng đã và đang đầu tư xây dựng khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt, nhưng lại vướng trong việc vận hành xử lý rác thải rắn sinh hoạt từ khâu thu, gom, vận chuyển, tập kết đến khâu đốt rác, xử lý tro, xỉ sau công đoạn đốt, người quản lý vận hành lò đốt rác... thì lại không có nhà đầu tư nào tham gia.

### **8.2. Năm 2020**

Dự kiến năm 2020, vẫn tiếp tục xây dựng 01 lò xử lý rác thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt cho xã Hợp Thắng và thị trấn Triệu Sơn. Nhu cầu kinh phí: 2 tỷ đồng.

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CÁC CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH VÀ CỦA TRUNG ƯƠNG NĂM 2019; NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2020**

*Tổng số kinh phí ước thực hiện một số cơ chế, chính sách của tỉnh, của trung ương năm 2019 là 142.953 triệu đồng; tổng nhu cầu kinh phí dự kiến hỗ trợ năm 2020 của tỉnh và trung ương là 59.048 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo), cụ thể như sau:*

### **1. Cơ chế khuyến khích phát triển đường giao thông nông thôn**

Thực hiện Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 2480/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh về việc quy định tiêu chí giao kế hoạch vốn thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.

#### **1.1. Năm 2019**

Năm 2019, toàn huyện làm được 40,2 km đường giao thông nông thôn (trong đó: làm mới 30,2 km, nâng cấp cải tạo 10 km). Tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh: 2.430 triệu đồng.

#### **1.2. Năm 2020**

Năm 2020, toàn huyện phấn đấu làm được 20 km đường giao thông nông thôn. Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh: 2.000 triệu đồng.

### **2. Chính sách hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

#### **2.1. Năm 2019**

Việc hỗ trợ chương trình xây dựng NTM tiếp tục đạt hiệu quả trong nhiều năm, cùng với cơ chế của huyện, xã và đóng góp của người dân nên số xã đạt chuẩn NTM tăng nhanh, năm 2019 dự kiến số xã đạt chuẩn là 8 xã, nâng tổng số xã đạt chuẩn đến hết năm 2019 lên 20/32 xã, đạt 62,5%. Tổng số tiền hỗ trợ chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019 của tỉnh: 29.420 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ xây dựng đầu tư các công trình 23.600 triệu đồng (trong đó: hỗ trợ 9 công trình năm 2017 là 8.650 triệu đồng, 10 công trình năm 2018 là 7.200 triệu đồng, 11 công trình năm 2019 là 7.750 triệu đồng);

- Hỗ trợ xi măng cho 4 xã ( Minh Dân, Minh Sơn, Vân Sơn, Đông Thắng) để xây dựng các công trình: 320 triệu đồng.

- Thường cho 3 xã đạt chuẩn NTM: 2.000 triệu đồng (Tân Ninh, Đồng Lợi, Xuân Thọ).

- Hỗ trợ 05 mô hình phát triển sản xuất và nghề nông thôn: 1.400 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo: 245 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí xử lý môi trường: 150 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí dạy nghề: 60 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng: 1.400 triệu đồng.

## **2.2. Năm 2020**

Tổng nhu cầu hỗ trợ kinh phí chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020: 42.320 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình: 34.500 triệu đồng.

- Hỗ trợ xi măng cho 04 xã: 320 triệu đồng.

- Thường cho 7 xã đạt chuẩn NTM: 4.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất và nghề nông thôn: 1.400 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo: 245 triệu đồng.

- Kinh phí tuyên truyền: 245 triệu đồng.

- Kinh phí xử lý môi trường 150 triệu đồng.

- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng: 1.400 triệu đồng.

## **3. Chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ**

### **3.1. Năm 2019**

Thực hiện Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ: Tiếp tục khẳng định hiệu quả của cơ chế, đàn gia súc trên địa bàn huyện được sử dụng giống chất lượng cao, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và giá trị ngành chăn nuôi; xử lý tốt ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi gây ra trên địa bàn huyện. Tổng số kinh phí hỗ trợ năm 2019 là 1.915 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ kinh phí mua tinh lợn, tinh trâu bò và vật tư phối giống cho trâu, bò: 1.015 triệu đồng (Phối giống nhân tạo cho 2.235 con lợn và 3.100 con trâu bò với số tiền 799 triệu đồng; vật tư phối giống: Ni tơ lỏng 4.650 lít, găng tay 6.200 cái, dẫn tinh quản 6.200 cái với số tiền 216 triệu đồng).

- Hỗ trợ xây dựng 190 công trình xử lý chất thải: 900 triệu đồng (100 công trình bê xây gạch từ 9m<sup>3</sup> trở lên; 80 công trình bê nhựa Composite từ 7m<sup>3</sup> trở lên).

### **3.2. Năm 2020**

Nhu cầu kinh phí năm 2020: 2.900 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ kinh phí mua tinh lợn, tinh trâu bò và vật tư phối giống cho trâu, bò: 1.200 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng 340 công trình xử lý chất thải: 1.700 triệu đồng.

## **4. Chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

### **4.1. Năm 2019**



Hỗ trợ theo Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, khẳng định: Tiếp tục khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp có hiệu quả; đặc biệt khuyến khích được các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị và an toàn thực phẩm; cùng với cơ chế của huyện, xã và đầu tư của tổ chức, cá nhân đã góp phần làm tăng giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác và nuôi trồng thủy sản năm 2019 trên địa bàn huyện lên 110 triệu đồng. Tổng số tiền hỗ trợ trong năm 2019 là 1.705 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao cho xã Thọ Bình với số tiền 200 triệu đồng (kiên cố hóa 01 km giao thông nội đồng).

- Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt: 195 ha với số tiền 827,5 triệu đồng. Cụ thể: 25 ha cà chua, bí xanh, khoai tây (162,5 triệu đồng), 70 ha ngô ngọt, ớt xuất khẩu (315 triệu đồng) và 100 ha ngô dày làm thức ăn chăn nuôi (350 triệu đồng).

- Hỗ trợ thực hiện sản xuất rau an toàn tại xã Tiến Nông: 03 ha tập trung (diện tích mới), với số tiền 579 triệu đồng, 1.000 m<sup>2</sup> nhà lưới với số tiền 50 triệu đồng. Kinh phí kiểm soát chất lượng, dán tem cho 3ha (đã thực hiện năm 2017) với số tiền 48 triệu đồng.

#### **4.2. Năm 2020**

Nhu cầu kinh phí năm 2020: 2.158 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao cho xã Thọ Bình: 200 triệu đồng (kiên cố hóa 01 km kênh mương nội đồng).

- Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới: 850 triệu đồng/1,7 ha.

- Hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt: 1.077,5 triệu đồng/255ha.

- Hỗ trợ 01 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm rau an toàn: 15 triệu đồng.

- Hỗ trợ kiểm soát chất lượng, dán tem cho diện tích năm 2017, 2018: 96 triệu đồng.

### **5. Chính sách chuyển đổi đất lúa sang trồng ngô**

#### **5.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô tại vùng trung du, miền núi Bắc Trung bộ: Tiếp tục khuyến khích chuyển đổi diện tích trồng lúa vùng khó tưới sang trồng ngô cho hiệu quả cao hơn nhằm nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích, với số tiền hỗ trợ 166 triệu đồng/70 ha (thực hiện ở vụ Mùa năm 2019).

#### **5.2. Năm 2020**

Nhu cầu kinh phí năm 2020: 400 triệu đồng/200 ha.

### **6. Chính sách hỗ trợ sản xuất vụ đông 2019 - 2020**

#### **6.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ đông 2019 - 2020: Cùng với cơ chế của huyện, xã tiếp tục khuyến khích được người dân tích cực đầu tư sản xuất vụ đông, tiếp tục khẳng định là vụ sản xuất chính trong năm mang lại hiệu quả, tăng thêm giá trị trên một ha canh tác trong năm. Tổng số tiền ước thực hiện hỗ trợ là 877 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ mua giống ngô: 560,3 triệu đồng/863 ha.
- Hỗ trợ mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung cho hộ gia đình, cá nhân: 316,5 triệu đồng/106 ha.

## **6.2 Năm 2020**

Nhu cầu kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ đông năm 2020: 1.000 triệu đồng.

## **7. Hỗ trợ kinh phí phòng chống Bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2019**

Nhờ có chính sách hỗ trợ, nên nhiều hộ chăn nuôi có điều kiện khôi phục sản xuất ngành chăn nuôi (chuyển sang nuôi gia súc, gia cầm khác) hoặc chuyển đổi sang ngành nghề khác, góp phần ổn định và phát triển kinh tế trên địa bàn. Tổng kinh phí đã hỗ trợ năm 2019 là 99.073 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ cho hộ có lợn bị tiêu hủy do Bệnh dịch tả lợn Châu Phi từ ngày 16/5 đến nay là: 94.987 triệu đồng.
- Hỗ trợ Hóa chất, vật tư: 4.086 triệu đồng.

## **8. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình 135 của Chính phủ**

### **7.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, thu - chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019: Việc hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuchinh sách nay tiếp tục được phát huy có hiệu quả, khuyến khích để nhân rộng các mô hình thoát nghèo bền vững tại các xã miền núi của huyện, với số tiền hỗ trợ 784 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ 03 mô hình cho 3 xã đặc biệt khó khăn, với số tiền 584 triệu đồng (Bình Sơn: 195 triệu đồng, Thọ Bình: 227 triệu đồng, Triệu Thành: 162 triệu đồng).
- Hỗ trợ 01 mô hình cho 04 thôn đặc biệt khó khăn ở xã Thọ Sơn, với số tiền 200 triệu đồng.

### **7.2. Năm 2020**

Nhu cầu kinh phí hỗ trợ năm 2020: 1.000 triệu đồng.

## **9. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

### **9.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XVII và Quyết định số 869/2017/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Với số tiền hỗ trợ không nhiều (3 triệu/lao động), nhưng

cũng đã động viên, khích lệ và góp phần tạo điều kiện cho người lao động yên tâm đi xuất khẩu lao động, với số tiền hỗ trợ năm 2019: 1.050 triệu đồng/350 lao động.

### **9.2. Năm 2020**

Năm 2020, toàn hiện phân đầu tổng số lao động tham gia xuất khẩu lao động là 450 lao động, nhu cầu kinh phí: 1.350 triệu đồng.

## **10. Chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng**

### **10.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 5259/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Với số tiền hỗ trợ không nhiều, trung bình khoảng 3 triệu đồng/người, nhưng đã góp phần tuyên truyền cho bà, con nhân dân biết hình hỏa táng là văn minh và là xu hướng tất yếu trong thời đại hiện nay, góp phần đảm bảo môi trường trên địa bàn. Với số tiền hỗ trợ trong năm 2019 là 1.256 triệu đồng/409 người hỏa táng.

### **9.2. Năm 2020**

Năm 2020, dự kiến số người được hỏa táng là 520 người, với số tiền dự kiến hỗ trợ là 1.560 triệu đồng.

## **11. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo Chương trình 135 của Chính phủ**

### **11.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình 135 năm 2018: Các công trình cơ sở hạ tầng chương trình 135 giúp cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, đã góp một phần đáng kể vào mục tiêu bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa thôn theo tiêu chí NTM, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với bà, con vùng 135, với tổng nguồn vốn được hỗ trợ: 4.241 triệu đồng, gồm: Nâng cấp Nhà văn hóa thôn Bồn Dòn, Nhà văn hóa thôn Thoi, xã Bình Sơn; xây mới Nhà văn hóa thôn Thu Vi, Nhà văn hóa thôn Bình Phương, xã Triệu Thành; bê tông hóa đường giao thông nông thôn từ thôn 5 đi thôn 6, xã Thọ Bình; bê tông hóa 04 tuyến giao thông nông thôn thuộc các thôn 2, 10, 13, 16 ở xã Thọ Sơn theo tiêu chí NTM.

### **11.2. Năm 2020**

Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo Chương trình 135 của Chính phủ: 4.300 triệu đồng.

## **12. Hỗ trợ hoạt động của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chương trình 135 của Chính phủ**

### **12.1. Năm 2019**

Hỗ trợ theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số: Số tiền hỗ trợ tuy không nhiều, nhưng đã giúp cho người có uy tín có điều kiện tiếp cận với các thông tin mới về chính sách, pháp luật, tình hình kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương, thể hiện sự quan tâm của Chính phủ đối với người có uy tín trong đồng bào các dân tộc, từ đó nâng cao được chất lượng hoạt động của

người có uy tín, góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Số tiền đã hỗ trợ là 36 triệu đồng.

### **12.2. Năm 2020**

Dự kiến nhu cầu kinh phí hỗ trợ hoạt động cho Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chương trình 135 của Chính phủ: 64 triệu đồng.

### **III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Đề nghị bãi bỏ cơ chế hỗ trợ cho hộ gia đình sử dụng tinh chất lượng cao BBB (3B) phối cho bò nền đủ tiêu chuẩn theo quy định tại nội dung 2.3, điểm 2, Điều 1, Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND huyện kể từ ngày 31/12/2019 (có Tờ trình riêng). Lý do:

- Sau gần 3 năm thực hiện cơ chế hỗ trợ, đã có 03 lứa bê lai 3B ra đời với 3.692 con; rút ngắn thời gian nuôi theo mẹ, tận dụng thức ăn tốt, ăn sớm và phàm ăn; giá xuất bán bê con cao gấp 1,5 - 2 lần so với các giống bê trước đó.

- Qua khảo sát cho thấy, hiện tại nếu không còn cơ chế hỗ trợ của huyện thì các hộ chăn nuôi bò trên địa bàn huyện vẫn chủ động sử dụng tinh 3B phối giống cho bò cái nền để sinh sản ra bê lai 3B có chất lượng cao do hiệu quả kinh tế cao mang lại. Đồng thời để tập trung, ưu tiên nguồn lực thực hiện cơ chế hỗ trợ khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai.

2. Đề nghị bổ sung cơ chế khuyến khích, hỗ trợ về an toàn thực phẩm năm 2020 (có Tờ trình riêng).

3. Đề nghị bổ sung cơ chế hỗ trợ Đề án thu hút bác sỹ về làm việc tại Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn năm 2020 (có Tờ trình và Đề án riêng).

UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện một số cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện và cơ chế, chính sách của tỉnh, của trung ương năm 2019; nhu cầu kinh phí năm 2020./.

**Nơi nhận:** 

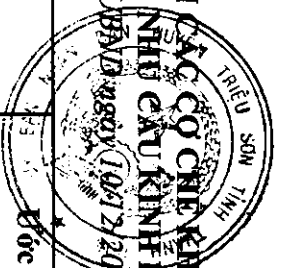
- Đại biểu HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Trưởng các phòng, ban, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Vũ Đức Kính**

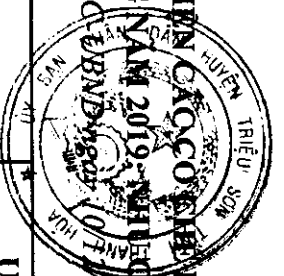
**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ  
CỦA HUYỆN NĂM 2019; NHÌU CẤU KINH PHÍ NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 3823/BC-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện)



STT	Cơ chế, chính sách	ĐVT	Thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
			Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	
<b>TỔNG KINH PHÍ</b>				<b>32.054</b>		<b>38.580</b>	
1	Làm đường GTNT và bảo trì đường huyện, đường xã	Km	40,2	1.017	20	2.100	Tiền đất
2	Phát triển Nông nghiệp và xây dựng NTM			28.517		33.500	
-	Hỗ trợ cơ giới hóa			5535,1		600	NS huyện
-	Hỗ trợ kinh phí chi đạo chuyển đổi đất lúa, tích tụ tập trung ruộng đất	ha	84,4	85		500	NS huyện
-	Hỗ trợ chăn nuôi nông hộ			915,5		900	NS huyện
-	Thường xã đạt chuẩn NTM	xã	4	4.000		1.800	Tiền đất
-	Hỗ trợ sản xuất vụ đông	ha	900	585		1.500	SN nông nghiệp
-	Hỗ trợ mua giống ngô	ha	105	315			SN nông nghiệp
-	Hỗ trợ cho các xã có diện tích gieo trồng cây ngô theo chỉ tiêu huyện giao từ 40 ha trở lên, hoàn thành từ 100% trở lên	xã	6	180			SN nông nghiệp
-	Hỗ trợ các xã có diện tích gieo trồng ngô từ 30 đến dưới 40 ha, hoàn thành từ 100% trở lên	xã	3	60			SN nông nghiệp
-	Hỗ trợ các xã có diện tích gieo trồng ngô dưới 30 ha, hoàn thành từ 100% trở lên	xã	8	80			SN nông nghiệp
-	Hỗ trợ xây dựng công trình NTM theo cơ chế đặc thù	xã	12	11.280		28.200	NS huyện
-	Thường cho xã NTM theo cơ chế đặc thù	xã	4	400			NS huyện
-	Hỗ trợ công tác phòng chống dịch tả lợn Châu Phi			5.081			NS huyện

3	Xây dựng trường chuẩn Quốc gia		trường	14	1.300	6	450	SN giáo dục
4	Khen thưởng GV và HS đạt thành tích cao				170		230	SN giáo dục
5	Hỗ trợ các trường sau sáp nhập		trường	3	450	1	150	SN giáo dục
6	Hỗ trợ đạt tiêu chí quốc gia về Y tế		Xã	4	600	1	150	Thọ Dân
7	Hỗ trợ xử lý rác thải rắn sinh hoạt		Cụm xã	0	0	1	2.000	Tiền đất

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ  
CỦA TỈNH VÀ TRUNG ƯƠNG NĂM 2019-2020 VÀ ĐẦU TƯ KINH PHÍ NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 3823/BC-UBND ngày 07/12/2019 của UBND huyện)



STT	Cơ chế, chính sách	ĐVT	Ước thực hiện		Kế hoạch		Chi chú
			Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	
	<b>TỔNG KINH PHÍ</b>			<b>142.953</b>		<b>59.048</b>	
1	Làm đường GTNT	Km	40,2	2.430	20	2.000	
2	Hỗ trợ xây dựng các công trình NTM			29.420		42.320	
3	Chăn nuôi nông hộ			1.915		2.900	
4	Tái cơ cấu ngành nông nghiệp			1.705		2.158	
5	Chuyển đổi đất lúa sang trồng ngô	ha	70	166	200	400	
6	Sản xuất vụ đông			877		1.000	
7	Hỗ trợ phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi			99.073			
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất CT MTQG (CT 135)			784		1.000	
9	Hỗ trợ người đi làm việc nước ngoài	Người	350	1.050	450	1.350	
10	Hỗ trợ chi phí hòa táng	Người	409	1.256	520	1.560	
11	Đầu tư XD CSHT theo chương trình 135			4.241		4.300	
12	Chính sách cho người có uy tín trong đồng bào DTTS			36		60	